Mẫu số: D21-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 363/TB-THADS

Tây Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Long An;

Căn cứ Bản án số 03/2023/KDTM-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 97/QĐ-CCTHADS ngày 02/11/2023; 05/QĐ-CCTHADS ngày 09/10/2023 của Chi cục THADS huyện Đức Huệ nay là Phòng THADS khu vực 2 - Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 03/QĐ-CTHADS; số 04/QĐ-CTHADS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An; Căn cứ Quyết định thi hành án số 656/QĐ-CTHADS ngày 29/8/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An nay là Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 04/QĐ-THADS ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 19/11/2025 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Do đương sự không thỏa thuận được về giá tài sản kê biên và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá. Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, địa chỉ: 266A, đường tỉnh 827A, khu phố Bình Nam, phường Tân An, tỉnh Tây Ninh cần lựa chọn tổ chức thẩm định giá để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản đã kê biên để bảo đảm thi hành án, như sau:

- Thửa đất số 1478 (thửa mới 4568) tờ bản đồ số 5 (mới 17), diện tích 38338,6 m^2, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở xản xuất, kinh doanh, địa chỉ: xã Bình Hoà Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (nay là xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh), số phát hành BO 218724, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT 17281, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/11/2013 và Thửa đất số 1547 (thửa mới 4569) tờ bản đồ số 5 (mới 17), diện tích 797m^2, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở xản xuất, kinh doanh, địa chỉ: xã Bình Hoà Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (nay là xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh), số phát hành BO 218725, số vào sổ

cấp giấy chứng nhận: CT 17282, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/11/2013. Theo phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được văn phòng đăng ký đất đai phê duyệt.

I. Công trình xây dựng

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
1	Nhà văn phòng (Vị trí số 1)	- Nhà riêng lẻ 1 tầng. Kết cấu: Móng, cột, đà BTCT, tường xây gạch, tô trát hoàn thiện, nền lát gạch men, trần prima, mái tole thiếc, cửa ra vào, cửa sổ bằng khung sắt + lộng kính. Diện tích 136,5 m². Văn phòng khóa cửa, toàn bộ tài sản bên trong không còn sử dụng - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	136,50
2	Nhà vệ sinh 1 (Vị trí số 2)	- Nhà liên kế 1 tầng. Kết cấu: Móng, cột, đà BTCT, tường xây gạch, tô trát hoàn thiện, nền lát gạch, kèo sắt, mái tole thiếc, cửa ra vào bằng khung sắt + kính. Diện tích 13,4 m². - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	13,40
3	Hồ nước 1 (Vị trí số 4)	- Kết cấu: Hồ nước BTCT, có gia cố bằng cừ tràm, không nắp BTCT. Diện tích 9m², cao 1,5m. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m³	13,50
4	Nhà kho (Vị trí số 5)	- Khẩu độ công trình <18m. Kết cấu: Móng BTCT, cột thép, vì kèo - xà gồ thép, nền xi măng, mái lợp tole, tường xây gạch lửng cao khoảng 1m và ốp tole thiếc cao đến mái. Diện tích 178,8 m². Hiện chứa máy móc, nguyên liệu của công ty. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	178,80
5	Nhà xưởng 1 (Vị trí số 6)	- Khẩu độ công trình >18m, cao >6m, không có cầu trục. Kết cấu: Móng BTCT, cột thép, vì kèo - xà gồ thép, nền xi măng, mái lợp tole, tường xây gạch lửng cao khoảng 1m và ốp tole thiếc cao đến mái. Diện tích 1.030,2 m². Hiện chứa máy móc, nguyên liệu của công ty. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	1.030,20

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
6	Nhà xưởng 2 (Vị trí số 7)	- Khẩu độ công trình >18m, cao >6m, không có cầu trục. Kết cấu: Móng BTCT, cột thép, vì kèo - xà gồ thép, nền xi măng, mái lợp tole, vách ốp tole thiếc cao đến mái. Diện tích 1.574,6 m². Hiện chứa máy móc, nguyên liệu của công ty. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	1.574,60
7	Nhà vệ sinh 2 (Vị trí số 9)	- Nhà liên kế 1 tầng. Kết cấu: Móng, cột, đà BTCT, tường xây gạch, tô trát hoàn thiện, nền lát gạch, kèo sắt, mái tole thiếc, cửa ra vào bằng khung sắt + thiếc. Diện tích 7,1 m². - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	7,10
8	Nhà xưởng 3 (Vị trí số 8)	- Khẩu độ công trình >18m, cao >6m, không có cầu trục. Kết cấu: Móng BTCT, cột thép, vì kèo - xà gồ thép, nền xi măng, mái lợp tole, tường xây gạch lửng cao khoảng 1m và ốp tole thiếc cao đến mái, một phần vách chỉ ốp tole thiếc. Diện tích 810,6 m². Hiện chứa máy móc, nguyên liệu của công ty. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	810,60
9	Khu xử lý nước (Vị trí số 10)	Gồm các hồ nước được xây dựng để chứa nước thuộc khu xử lý nước		
9.1	Hồ nước 2	- Kích thước dài 10m, rộng 7m, sâu 5m. Kết cấu: Hồ nước BTCT, có gia cố bằng cừ tràm, không nắp - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m³	350,00
9.2	Hồ nước 3	- Kích thước dài 11m, rộng 5,7m, sâu 2,4m. Kết cấu: Hồ nước BTCT, có gia cố bằng cừ tràm, không nắp - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m³	150,48

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
9.3	Hồ nước 4	- Hình chữ L: Gồm phần kích thước dài 4,3m, rộng 1,8m, sâu 3m và phần kích thước dài 3,4m, rộng 1,8m, sâu 3m. Kết cấu: Hồ nước BTCT, có gia cố bằng cừ tràm, không nắp - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^3	41,58
10	Nhà điều hành khu xử lý nước (Vị trí số 11)	- Kết cấu: Móng, cột, đà BTCT, tường xây gạch, tô trát hoàn thiện, nền gạch ceramic, mái BTCT, cửa ra vào bằng khung sắt + kính. Được sử dụng để làm nhà điều hành khu xử lý nước, hiện không sử dụng - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^2	26,20
11	Hồ nước (Vị trí số 12)			
11.1	Hồ nước 5	- Kích thước dài 5,6m, rộng 2,1m, sâu 2,2m. Kết cấu: Hồ nước BTCT, có gia cố bằng cừ tràm, không nắp - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^3	25,872
11.2	Hồ nước 6	- Kích thước dài 5,6m, rộng 4,6m, sâu 2,2m. Kết cấu: Hồ nước BTCT, có gia cố bằng cừ tràm, không nắp - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^3	56,672
11.3	Hồ nước 7	- Kích thước dài 5,2m, rộng 1,6m, sâu 2m. Kết cấu: Hồ nước BTCT, có gia cố bằng cừ tràm, không nắp - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^3	16,640
12	Nhà vệ sinh 3 (Vị trí số 13)	- Nhà liên kế 1 tầng. Kết cấu: Móng, cột, đà BTCT, tường xây gạch, tô trát hoàn thiện, nền lát gạch, kèo sắt, mái tole thiếc, cửa ra vào bằng khung sắt + thiếc. Diện tích 5 m^2. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^2	5,00

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
13	Nhà xưởng 3 (Vị trí số 8)	- Khẩu độ công trình >18m, cao >6m, không có cầu trục. Kết cấu: Móng BTCT, cột thép, vì kèo - xà gồ thép, nền xi măng, mái lợp tole, tường xây gạch lửng cao khoảng 1m và ốp tole thiếc cao đến mái, một phần vách chỉ ốp tole thiếc. Diện tích 810,6 m². Hiện chứa máy móc, nguyên liệu của công ty. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	810,60
13	Mái che 1 (Vị trí số 14)	- Kết cấu đơn giản: Cột, kèo sắt, mái tole thiếc, nền xi măng. Diện tích 54,4 m². - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	54,40
14	Mái che 2 (Vị trí số 15)	- Kết cấu đơn giản: Kèo sắt, mái tole thiếc, nền xi măng. Diện tích 30,4 m². - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	30,40
15	Mái che 3 (Vị trí số 16)	- Kết cấu đơn giản: Kèo sắt, mái tole thiếc. Diện tích 45,3 m². - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	45,30
16	Mái che 4 (Vị trí số 17)	- Kết cấu đơn giản: Cột, kèo sắt, mái tole thiếc, nền xi măng. Diện tích 56,3 m². - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	56,30
17	Nhà bảo vệ (Vị trí số 18)	- Kết cấu: Móng, cột, đà BTCT, tường xây gạch, tô trát hoàn thiện, nền gạch men, mái tole, trần prima, cửa ra vào và cửa sổ bằng khung sắt + kính. Hiện đang sử dụng. Hệ thống điện đầy đủ. Diện tích 15,5 m². - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	15,50

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
18	Hàng rào hướng Đông	- Kết cấu: Móng BTCT, cột BTCT, tường xây gạch lửng, có khung rào bằng sắt. Hàng rào có chiều dài 94,1m, cao 2,5m - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^2	235,25
19	Hàng rào các hướng còn lại	- Kết cấu: Móng, cột BTCT, tường xây gạch, tô trát hoàn thiện cao khoảng 2m thuộc một phần tường rào hướng Bắc, phần hàng rào còn lại xây tường gạch lửng trát hai mặt cao khoảng 1m và ốp tole thiếc cao 1m. Chiều dài hàng rào: 381,7m - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^2	763,40
20	Cửa cổng chính	- Kết cấu: Cửa rào dạng kéo, bằng thép hình toàn bộ. Kích thước: ngang 9m cao 2,3m - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^2	20,70
21	Cửa cổng phụ	- Kết cấu: Cửa ràobằng thép hình ốp tole thiếc. Kích thước: ngang 1,2m cao 1,9m - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^2	2,28
22	Trụ cổng	- Gồm 2 trụ, kết cấu: Trụ BTCT + gạch, dưới lót bê tông đá 4x6, tô trát hoàn thiện. Kích thước 0,4m x 0,4m cao 2,6m - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m^3	0,832
23	Trụ bê tông đúc sẵn	- Kết cấu: Trụ BTCT đúc sẵn quy cách 0,2x0,2; chiều dài trụ 1,9m. Tổng số lượng: 100 trụ - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m	190,0

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
24	Phòng lưu chứa thành phẩm sau xử lý của Nhà xưởng 3 (Vị trí số 8)			
24.1	Tường xây gạch	- Kết cấu: Tường xây gạch lửng dày 100, tô trát 2 mặt. Gồm 3 phòng, mỗi phòng kích thước tường là 0,9m x 3,7m và 0,9m x 5,8m và 1 mặt tường có kích thước 0,9m x 5,8m. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	30,87
24.2	Vách ốp tole thiếc	- Kết cấu: Khung thép ốp tole thiết. Gồm 3 phòng, mỗi phòng kích thước tường là 2,3m x 3,7m và 2,3m x 5,8m và 1 mặt tường có kích thước 2,3m x 5,8m. - Năm xây dựng/đưa vào sử dụng: Không xác định	m²	78,89

II. Hệ thống, máy móc thiết bị

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
1	Hệ thống máy tái chế rác	- Cấu tạo: Bộ phận máy nghiền, cắt rác có phiễu nạp rác phía trên nối với băng chuyền bằng khung thép để tải rác vào; máy nghiền có trục nghiền sử dụng 2 động cơ 45KW. Hệ thống tủ điêu khiển để vận hành máy. Hộp giảm tốc máy và hệ thống băng tải ra sau khi cắt hoặc nghiền rác. Hệ thống không hoạt động - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động: Không xác định	Hệ thống	1
2	Hệ thống tái sinh dầu nhớt, công suất 1 tấn/ngày	- Cấu tạo: Gồm 1 bồn chứa chất liệu bằng thép, 1 thiết bị đông tụ và 1 bình lắng bằng thép, quạt hút li tâm với hệ thống xử lý phụ phẩm và đường ống xả khí với ống bằng thép cao khoảng 18m đường kính ống 320mm. Hệ thống sử dụng động cơ 11KW. Hệ thống không hoạt động - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động: Không xác định	Hệ thống	1

3	Hệ thống tái chế bình ắc quy 1tấn/ngày	'- Cấu tạo: Bộ phận máy tách ắc quy gồm máy tách tháo ắc quy, băng tải bằng khung thép và hệ thống khay chứa bằng nhựa, động cơ không xác định được công suất. Bộ phậu nấu chì gồm hệ thống điều kiển, bồn chứa để nấu chì bằng thép, bồn xử lý khí thải; hệ thống ống xả thải có đường kính 320mm và 1 ống khói cao 18m đường kính 320m bằng thép. Hệ thống sử dụng 2 động cơ 2,25KW. Hệ thống không hoạt động - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động: Không xác định	Hệ thống	1
4	Hệ thống tái sinh dung môi 1tấn/ngày	- Cấu tạo: Bồn chứa dung môi thải bằng thép chưa dung môi trước khi đưa vào hệ thống, hệ thống ống thép nối từ bồn chứa sang bộ phần làm mát, giảm nhiệt và bộ phận chưng cất, ngưng tụ chất liệu bằng thép. hệ thống tủ điều khiển kết nối với hệ thống máy. Chân máy hệ thống bằng thép. Hệ thống sử dụng 1 động cơ tại bồn chứa không xác định được công suất; 1 động cơ 0,75KW tại bồn ngưng tụ. Hệ thống không hoạt động. - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động: Không xác định	Hệ thống	1
5	Hệ thống xử lý nước thải (thuộc khu xử lý nước thải)	- Cấu tạo: Sử dụng 2 motor 4KW gắn với bộ sục khí, hệ thống đường ống bằng nhựa nối với 4 thùng xử lý nước thông qua hệ thống điều khiển và bộ tủ điện. Hệ thống ống nối từ máy xử lý nước ra bồn lắng cát bằng thép sử dụng motor công suất 0,38KW. Ngoài ra hệ thống còn có 3 motor lớn công suất 2,2KW và 2 motor nhỏ công suất 0,5KW và hệ thống ống nhựa dẫn nước qua các hồ chứa nước. Hệ thống không xác định được tình trạng hoạt động - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động:	Hệ thống	1

		Không xác định		
6	Hệ thống lò đốt chất thải công nghiệp, công suất 250kg/giờ	- Cấu tạo: Gồm lò đốt bằng thép nhận rác từ bộ phận gom rác thông qua motor công suất 0,75KW. Buống đốt rác kết nối với buồng giải nhiệt, khói đưa qua các cylone để lắng bụi, rửa bụi, khử mùi và đưa qua quạt hút khói sử dụng động cơ 15KW, hệ thống ống thép đường kính 450mm đưa khói từ buồng đốt và ống khói đưa ra từ cylone thông qua cột ống khói bằng thép cao 19,5m đường kính 450mm. Tủ điều khiển còn tương đối đầy đủ. Hệ thống hiện không hoạt động. - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động: Không xác định	Hệ thống	1
7	Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang công suất 10kg/ngày	- Cấu tạo: Gồm tủ điều khiển, thông qua động cơ công suất 2,2KW. Thùng chứa bóng đèn thải bằng thép trước khi đưa lên băng chuyền bằng sắt đưa qua hệ thống nghiền. 2 bồn lọc để hấp thụ bột huỳnh quang và hệ thống ống thoát khí ra ngoài. Hệ thống hiện không hoạt động - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động: Không xác định	Hệ thống	1
8	Hệ thống súc rửa thùng phi, 100 thùng/ngày	- Cấu tạo: Gồm Máy quay li tâm 2 bộ khung bằng thép, mỗi bộ có 2 motor công suất 1,5KW, 2 bộ giảm tốc. Máy súc rửa khung bằng thép đế bằng thép, gồm 4 motor công suất 2,2KW và máy bơm nước kết nối hệ thống tủ điều khiển. Hệ thống hiện không hoạt động. - Năm sản xuất/đưa vào hoạt động: Không xác định	Hệ thống	1

9	Đài nước (bệ đỡ bằng sắt cao khoảng 5m và bồn nước 500 lít hiệu Đạt Thành)	Đài nước cao khoảng 5m gồm khung đỡ bằng sắt, 1 bồn chứa Đạt Thành 500 lít và 1 bồn lọc nước, 1 moto công suất 0,5KW	Bộ	1
10	Máy biến áp 1 pha 25KVA hiệu Thibidi	- Máy biến áp đầu 1 pha hiệu THIBIDI, công suất 25KVA. Gồm 3 máy. - Năm sản xuất: Không xác định	Máy	3
11	Thùng phi bằng sắt	Cấu tạo bằng thép cán nguội, bên ngoài phủ sơn, dung tích khoảng 200 lít, gồm 26 thùng	Thùng	26
12	Xe nâng hiệu KOMATSU	Model FD15D-15. Số Seri: 211391.Tải trọng nâng 1,5 tấn. Chiều cao nâng 3m. Xe cấu tạo bằng khung thép, có 4 bốn bánh lốp đặc, sử dụng động cơ diesel chạy dầu. Chức năng dùng để nâng hạ cơ bản. - Năm sản xuất: Không xác định .Xe đang hoạt động.	Xe	1

III. Cây trồng trên đất

STT	Hạng Mục	Đặc điểm kĩ thuật	Đơn vị tính (đvt)	Số lượng
1	Cọ dầu loại A		Cây	2
2	Cây xanh loại A		Cây	37
3	Cây lá vối loại A		Cây	1
4	Cây trâm loại A		Cây	1
5	Cây xoài loại A		Cây	3
6	Cây xoài loại B		Cây	3
7	Cây chuối rẻ hạt loại A		Cây	1
8	Cây sứ loại A		Cây	1
9	Cây sung loại A		Cây	1

10	Cây sa kê loại A		Cây	1
11	Cây ổi loại B		Cây	7
12	Cây mít loại B		Cây	3
13	Cây dừa loại C		Cây	7
14	Cây kèn đỏ loại A		Cây	3

Vậy, thông báo để các tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh biết, đăng ký.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1. Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá; biểu phí thẩm định giá; hồ sơ năng lực (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự; giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu,...) và các tài liệu khác có liên quan.

2. Tổ chức thẩm định giá cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành.

Thời gian nộp hồ sơ: 02 ngày làm việc liên tiếp kể từ ngày đăng thông báo.

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ nộp hồ sơ: 266A, đường tỉnh 827A, khu phố Bình Nam, phường Tân An, tỉnh Tây Ninh./.

Lưu ý: Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá không được lựa chọn.

Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thông báo để các tổ chức thẩm định giá tài sản đáp ứng yêu cầu đủ yêu cầu được biết và nộp hồ sơ đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:
- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ T. TÂY NINH

Lê Minh Gập